

I. Từ vựng về Đồ dùng học tập (School Things)

Đây là những từ vựng chỉ các đồ vật quen thuộc mà các em sử dụng hàng ngày khi đến trường.

VIDOCU.COM

Từ vựng (Vocabulary)	Phiên âm	Nghĩa tiếng Việt	Ví dụ (Example)
Pen	/pen/	Bút mực	This is my new pen.
Pencil	/'pensl/	Bút chì	I have two pencils.
Book	/bʊk/	Sách	Open your book, please.
Notebook	/'nəʊtbʊk/	Vở ghi	Write in your notebook.
Ruler	/'ru:lər/	Thước kẻ	My ruler is long.
Eraser / Rubber	/ɪ'reɪzər/ / /'rʌbər/	Cục tẩy	Can I borrow your eraser?
School bag	/sku:l bæɡ/	Cặp sách	My school bag is blue.
Pencil case	/'pensl keɪs/	Hộp bút	I have many pens in my pencil case.
Crayon	/'kreɪən/	Bút sáp màu	Let's draw with crayons.
Desk	/desk/	Bàn học	The book is on the desk.
Chair	/tʃer/	Ghế	Sit on your chair.
Board	/bɔ:rd/	Bảng	Look at the board, please.

II. Từ vựng về các Phòng chức năng (Rooms in a school)

Trường học có nhiều phòng khác nhau. Chúng ta hãy cùng tìm hiểu tên gọi của chúng nhé.

Từ vựng (Vocabulary)	Phiên âm	Nghĩa tiếng Việt	Ví dụ (Example)
Classroom	/ˈklæsru:m/	Lớp học	This is my classroom. It's big.
Library	/ˈlaɪbreri/	Thư viện	We read books in the library.
Computer room	/kəmˈpjʊ:tər ru:m/	Phòng máy tính	The computer room is new.
Music room	/ˈmju:zɪk ru:m/	Phòng âm nhạc	Let's go to the music room to sing.
Art room	/ɑ:rt ru:m/	Phòng mỹ thuật	We draw pictures in the art room.
Gym	/dʒɪm/	Phòng thể dục	They are playing in the gym.
Playground	/ˈpleɪgraʊnd/	Sân chơi	The children are on the playground.

III. Từ vựng về Con người ở trường (People at school)

Ở trường, chúng ta gặp gỡ thầy cô và bạn bè. Dưới đây là tên gọi của họ.

Từ vựng (Vocabulary)	Phiên âm	Nghĩa tiếng Việt	Ví dụ (Example)
Teacher	/ˈtiːtʃər/	Giáo viên	My teacher is very kind.
Student	/ˈstuːdnt/	Học sinh	I am a student at that school.
Friend	/frend/	Bạn bè	He is my best friend.

IV. Các mẫu câu thông dụng (Useful Sentences)

Học từ vựng thôi là chưa đủ, các em cần biết cách đặt câu để giao tiếp. Hãy cùng luyện tập các mẫu câu dưới đây nhé!

1. Hỏi và trả lời về đồ vật (số ít)

Để hỏi về một đồ vật ở gần hoặc ở xa, chúng ta dùng cấu trúc sau:

Cấu trúc: What is this / that? → It is a/an + [tên đồ vật].

- **This:** Dùng để chỉ vật ở gần người nói.
- **That:** Dùng để chỉ vật ở xa người nói.

Ví dụ:

1. A: What is this? (Đây là cái gì?)
B: It is a pencil. (Đó là một cái bút chì.)

2. A: What is that? (Kia là cái gì?)

B: It is a board. (Đó là một cái bảng.)

2. Hỏi và trả lời về đồ vật (số nhiều)

Để hỏi về nhiều đồ vật (từ hai trở lên), chúng ta dùng cấu trúc:

Cấu trúc: What are these / those? → They are + [tên đồ vật số nhiều].

- **These:** Dùng để chỉ những vật ở gần người nói.
- **Those:** Dùng để chỉ những vật ở xa người nói.

Ví dụ:

1. A: What are these? (Đây là những cái gì?)

B: They are books. (Chúng là những quyển sách.)

2. A: What are those? (Kia là những cái gì?)

B: They are chairs. (Chúng là những cái ghế.)

3. Hỏi và trả lời về địa điểm/phòng chức năng

Khi muốn hỏi xem một phòng nào đó có lớn/nhỏ/mới/cũ không, ta dùng cấu trúc:

Cấu trúc: Is the + [tên địa điểm] + [tính từ]? → Yes, it is. / No, it isn't.

Ví dụ:

1. A: Is the library big? (Thư viện có lớn không?)

B: Yes, it is. (Có, nó lớn.)

2. A: Is the music room new? (Phòng âm nhạc có mới không?)

B: No, it isn't. It's old. (Không, nó không mới. Nó cũ rồi.)

4. Hỏi và trả lời về sự sở hữu

Để xác nhận một đồ vật có phải của ai đó không, ta dùng mẫu câu:

Cấu trúc: Is this/that your + [tên đồ vật]? → Yes, it is. / No, it isn't.

Ví dụ:

1. A: Is this your pen? (Đây có phải bút của bạn không?)

B: Yes, it is. (Đúng vậy.)

2. A: Is that your school bag? (Kia có phải cặp sách của bạn không?)

B: No, it isn't. My school bag is red. (Không phải. Cặp của tớ màu đỏ.)

5. Mời hoặc rủ ai đó làm gì

Khi muốn rủ bạn bè cùng làm một việc gì đó ở trường, em có thể dùng cấu trúc:

Cấu trúc: Let's + [động từ nguyên mẫu].

- Let's... = Chúng ta hãy cùng...

Ví dụ:

1. Let's go to the library. (Chúng ta vào thư viện đi.)

2. Let's play football on the playground. (Chúng mình cùng đá bóng ở sân chơi đi.)

3. Let's sing a song in the music room. (Chúng ta hãy hát một bài trong phòng âm nhạc nào.)